

PHỤ LỤC VIII
DANH MỤC THÔNG TIN CỦA BỘ NGOẠI GIAO KẾT NỐI CHIA SẺ QUA CÔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

Stt	Loại thông tin	Chi tiết thông tin	Hình thức cập nhật, trao đổi, chia sẻ			Thời điểm cập nhật	Bắt buộc	Mục đích sử dụng	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá	Đơn vị sử dụng	Ghi chú
	(Thông tin các Bộ, Ngành, UBND, các Tổ chức trao đổi, chia sẻ)	(Các chỉ tiêu cho từng loại thông tin)	Tự động (Tự động chia sẻ thông tin với hệ thống 1 cửa)	Truy vấn (Chức năng trên hệ thống một cửa để tìm kiếm, khai thác, kết xuất thông tin)	Cập nhật trực tiếp (Chức năng trên hệ thống 1 cửa để các Bộ/Ngành cập nhật thông tin trực tiếp)	(Quy định rõ thời điểm cập nhật, chia sẻ thông tin)	(Bắt buộc phải cung cấp, chia sẻ, cập nhật trên hệ thống 1 cửa)	(Mục đích sử dụng của các đơn vị V/u/Cục đối với từng loại thông tin của Bộ/ Ngành/UBND và các Tổ chức)	(Cơ sở pháp lý của việc đề xuất)	(Đánh giá mức độ phù hợp về nội dung, cấp độ văn bản, kiến nghị...)	(Bộ/ Ngành được phép khai thác sử dụng) - Xem tại file Bảng mã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Thông tin hàng hóa, đối tượng miễn thuế	Loại miễn thuế	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Điều kiện miễn thuế	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	

		Tên hàng hóa <i>(theo đối tượng quản lý của các Bộ/ngành)</i>	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Mã HS <i>(theo Danh mục hàng hóa XNK VN hiện hành)</i>	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Các thông tin xác định đối tượng quản lý <i>(Xuất xứ, phẩm cấp, tính chất hàng hóa, mục đích sử dụng,)</i>	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Các trường hợp loại trừ	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Văn bản quy định	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Tình trạng hiệu lực <i>(Chưa có hiệu lực, còn hiệu lực, hết hiệu lực,)</i>	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Thời hạn áp dụng	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	

2	Thủ tục cấp giấy chứng nhận/ xác nhận	Loại giấy chứng nhận/ xác nhận	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Trạng thái cấp	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Đối tượng quản lý	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Loại hồ sơ phải nộp	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Quy định về nộp hồ sơ	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	

		Quy định về tiếp nhận, phản hồi kết quả tiếp nhận	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
3	Thông tin về kết quả cấp giấy chứng nhận/ xác nhận	Loại giấy chứng nhận/ xác nhận	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Trạng thái cấp	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Lĩnh vực XNK (XK, NK, QC, TN-TX, TX-TN, CK...)	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Đối tượng quản lý	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Số tiếp nhận/ đăng ký	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	

		Kết quả chung	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Nội dung chứng nhận/xác nhận	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Lý do không tiếp nhận/trả lại,... và yêu cầu bổ sung (nếu có)	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Thông tin liên quan khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
		Văn bản trả lời kết quả	x	x		nt	x	nt	nt		1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21	
4	Thông tin cảnh báo rủi ro	Lĩnh vực có rủi ro/vi phạm	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm a.4 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	8,11	
		Đối tượng có rủi ro	x	x		nt	x	nt	nt		8,11	
		Nội dung cảnh báo rủi ro	x	x		nt	x	nt	nt		8,11	
		Biện pháp quản lý	x	x		nt	x	nt	nt		8,11	
		Thông tin liên quan khác (nếu có)	x	x		nt	x	nt	nt		8,11	
		Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	x	x		nt	x	nt	nt		8,11	
		Văn bản cung cấp thông tin	x	x		nt	x	nt	nt		8,11	

5	Danh sách các nước miễn thị thực	Tên nước; tên Hiệp định về việc miễn thị thực giữa Việt Nam và nước liên quan; ngày ký; ngày có hiệu lực; nội dung tóm tắt.	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Số hiệu hiệp định	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	

		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Trích yếu	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	

		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Thẩm quyền cấp	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	

		Số sổ	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Số quản lý	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	

		Ngày cấp số	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Cơ quan cấp	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	

		Loại số: Sổ cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự/ Sổ viên chức ngoại giao/Sổ nhân viên	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tài dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Cơ quan/cá nhân được cấp số	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tài dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	

		Thời hạn cấp miễn thị thực	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Số lượng người của cơ quan được cấp	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	

		Số lượng nước được cấp	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	
		Tên nước	x	x		nt	x	C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 8 luật số 47/2014/QH13	Phù hợp	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.	